

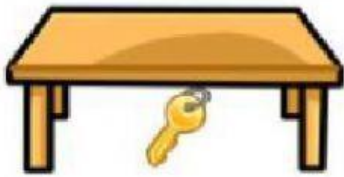
名字:

日期:

位置

看图填空句子。

shàng miàn 上面	xià miàn 下面	lǐ miàn 里面
wài miàn 外面	qián miàn 前面	hòu miàn 后面



yuè chí zài zhuō zǐ
钥匙在桌子_____。



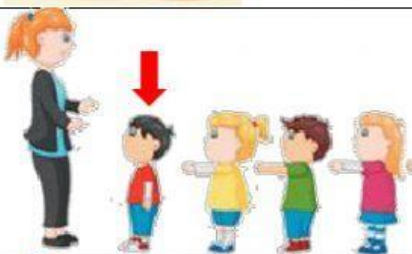
zhuō dēng zài yǐ zǐ
桌灯在椅子_____。



gāng bǐ zài shū bāo
钢笔在书包_____。



dà gǒu zài mén
大狗在门_____。



tā zhàn zài
他站在_____。



tā zhàn zài
她站在_____。

